

## TÌM HIỂU VỀ PHÁP MÔN NIỆM PHẬT

### *“Nam mô A Di Đà Phật”*

LÊ HỮU TUẤN<sup>(\*)</sup>

**T**in theo Phật giáo, khi thực hành các nghi lễ, mọi người đều niệm: “Nam mô A Di Đà Phật.”

Bây giờ ta thử tìm hiểu xem phép niệm Phật này có ý nghĩa gì?

Theo lịch sử, khởi nguyên của thuyết niệm Phật xuất hiện ở thời kì đầu tiên của đạo Phật ở Ấn Độ. Tại Trung Hoa, nhóm tín đồ niệm Phật đầu tiên là Bạch Liên Xã do Huệ Viễn (mất năm 416) lãnh đạo. Tín ngưỡng Phật giáo được quần chúng hoá qua các triều đại tiếp theo. Việc quần chúng hoá này đã quảng bá phép niệm Phật khắp mọi nơi ở Trung Hoa.

Niệm Phật nghĩa là nghĩ đến Đức Phật và niệm danh hiệu của Ngài. Triết học phát biểu rằng nội dung quy định hình thức và sau đó hình thức quy định nội dung. Một tín đồ có thể đọc lên danh hiệu Đức Phật không cần phải nghĩ đến Ngài, nghĩ đến những giới đức và thể nguyện của Ngài, nhưng khi lặp lại danh hiệu của Đức Phật, trong lòng người niệm trôi dạt tất cả những kí ức và ảnh tượng về Đức Phật và khởi phải lưu tâm, người đó càng lúc càng đi sâu vào quán tưởng Đức Thế Tôn. Sự cầu nguyện bắt đầu một cách máy móc bây giờ được chuyển vào một chiều hướng không tiên liệu.

Nếu miệng và tâm cùng chung hướng về Đức Phật khi đọc danh hiệu Ngài,

khiến cho tâm với Phật không rời nhau, từng bước một, niệm Phật sẽ có kết quả.

Tấm lòng của chúng sinh mong nhờ Đức Phật, nhớ tưởng Ngài, sẽ thấy Ngài trong hiện tại hay tương lai. Hiện tại là đời sống này, tương lai là đời sống sẽ đến. Nếu thế, ai hết sức mong mỏi Đức Phật và nhớ tưởng Ngài, người ấy nhất định sẽ đến trước mặt Ngài.

Một trong những thiền sư đầu tiên mang ý tưởng niệm Phật vào Thiền Tông là Vĩnh Minh Diên Thọ (mất năm 975). Ngài rất chú trọng đến những hành giả Thiền chăm chỉ thực hành phép niệm Phật; rất chú trọng đến mức bảo rằng những người theo học Thiền mà không có niệm Phật thì trong 10 người có đến 9 người không thể đạt tới đích, còn những ai thực hành niệm Phật sẽ chứng đắc hoàn toàn, nhưng tốt nhất là vừa hành Thiền vừa niệm Phật.

Có thể nói, phép niệm Phật đã tạo bước tiến vững chắc ngay giữa những môn đệ Thiền tông từ đầu thế kỉ X và Vĩnh Minh, được coi như một trong những sư tổ chủ trương tôn giáo hoà hợp vĩ đại trong lịch sử Trung Hoa, đã cố gắng gói ghém mọi tông phái Phật giáo vào hệ thống Thiền học, đương nhiên niệm Phật cũng được pha trộn vào đó.

---

\*. TS., Ban Tôn giáo Chính phủ, Bộ Nội vụ.

Trong thực hành niệm Phật, điểm cốt yếu là phải có tín tâm và tụng thầm trong miệng, không lo lắng đến sự việc thế gian. Không Cốc Long, người sống đầu thế kỷ XV, đã nói: “Pháp môn niệm Phật là con đường thể hiện đạo Phật ngắn nhất. Đừng tin ở hiện hữu sắc thân hư huyền này, bởi vì tâm trước vào những phù lưu của kiếp sống thế gian là cội nguồn của luân hồi. Cõi Tịnh Độ là đáng mong cầu nhất và phép niệm Phật là đáng trông cậy nhất. Đừng hỏi niệm Phật như thế nào, gấp rút hay thư thả; đừng hỏi tụng đọc danh hiệu Ngài như thế nào, cao giọng hay thấp giọng; đừng để gò bó bởi điều luật nào, mà hãy nhất tâm bất loạn, tịch tĩnh và trầm mặc niệm tưởng. Khi chúng đến chỗ chuyên nhất không bị ngoại cảnh quấy nhiễu, rồi một ngày kia một biến cố bất ngờ gây ra trong mình một thứ cải biến tâm lý, và nhờ đó mà nhận ra rằng cõi Tịnh Quang Tịnh Độ là chính cõi đất này, và Phật A Di Đà cũng chính là cái tâm này.”

Kinh *Ban chu Tam Muội* được dịch sang Hán văn, trong đó cũng đề cập đến Phật A Di Đà. Kinh này nhắc đến danh hiệu của Phật, nói “Bồ tát khi nghe danh hiệu Phật A Di Đà và muốn được thấy Ngài, có thấy được Ngài do niệm mãi quốc độ của Ngài”. Ở đây dùng chữ *niệm*, người ta nghĩ đến Ngài như một nhân cách, không chỉ riêng nhục thể, mà cả cảm hứng tâm linh.

Kinh *Quán vô lượng thọ* dạy tín giả hãy “quy y Đức Phật A Di Đà vì khi họ xưng tán Phật hiệu này họ sẽ thoát khỏi tội chúng trong năm mươi triệu kiếp”.

Theo những lời dạy đó trong các kinh điển, ngài Long Thọ viết trong luận *Thập trụ Ti ba sa* rằng nếu có người muốn đi nhanh đến chỗ bất thối chuyển, y phải

hết lòng cung kính tâm niệm danh hiệu của Phật, sẽ trừ khử những chướng ngại và chắc chắn sẽ vắng sinh Phật tiền.

Chúng ta có thể phân biệt ra hai lối trì tụng danh hiệu Phật; tức là khi danh hiệu được đọc lên về phía tín giả, có hai thái độ hướng tới đối tượng tụng bái của người đó. Thứ nhất sự trì tụng được thi hành với ý tưởng cho rằng danh tức thể, hay được coi như một thứ thần chú. Danh hiệu tự nó được coi là có một năng lực thần bí nào đó tạo ra kì diệu. Thí dụ, chúng ta đọc thấy trong *Kinh Pháp hoa*, chương XXIV, phần “Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ men phẩm” như sau:

“Nhờ xưng tụng danh hiệu Đại sĩ Quán Thế Âm, những Dạ xoa, La sát, hết dám đưa mắt mà nhìn vào”. Hay, “đừng sợ hãi, các người hãy xưng danh hiệu Đại sĩ Quán Thế Âm, ngài là vị bố thí sự vô úy, tức là các người sẽ thoát hiểm nghèo bởi đe dọa của những tay oán tặc này.”

Trong những trường hợp như thế, danh hiệu Quán thế âm chắc chắn có một quyền lực thần thông không những đối với những oán tặc, mà còn cả với những tham, sân và si nữa. Nó lại còn khiến cho tín giả thu hoạch được bất cứ phúc lạc nào mà y muốn.

Thái độ thứ hai, mà tín giả có thể chấp nhận nhắm tới lối xưng danh, hay niệm Phật, đặc biệt được Thiên Như Duy Tắc, một thiền sư thời nhà Nguyên, thế kỷ XIV, trình bày trong *Tịnh độ hoặc vấn* của ngài như sau:

“Niệm Phật cốt ở chỗ chuyên niệm ba mươi hai tướng tốt của Đức Phật, bằng cách giữ ba mươi hai tướng trong tâm trong trạng thái định, khi đó sẽ thấy Phật trong mọi thời dù nhắm mắt hay mở mắt. Ngay trong đời sống này mà vẫn hiện thấy Đức Phật, do hệ tâm xưng tụng

danh hiệu Ngài. Trong cách hiện thấy Phật bằng lối trì danh này, phép niệm Phật ấy cần phải chế tâm không cho tán loạn, niệm niệm tiếp nối nhau chuyên vào Phật hiệu, lặp đi lặp lại nghe rõ A Di Đà Phật. Mỗi tiếng mỗi tiếng phải phân minh hiển hiện nơi tâm. Khi xưng Phật danh hiệu đừng kể bao nhiêu lần, vì điều cốt yếu là phải nhất tâm nhất ý, tâm và miệng hoàn toàn hợp làm một”.

Trong trường hợp thứ nhất, danh hiệu tự nó được coi như có một năng lực mầu nhiệm, đặc biệt là đối với những hoạt kế nhân sinh, đây là một câu thần chú. Khi Phật A Di Đà muốn cho danh hiệu của Ngài vang dội khắp vũ trụ, phải chăng Ngài muốn nó là một thứ phù chú, hay muốn nó là một thế lực đạo đức; nghĩa là tượng trưng cho cái đáng ước mơ trong cuộc nhân sinh, khiến cho hễ lúc nào danh hiệu Ngài được nghe ra thì những công đức của Ngài sẽ được nghĩ nhớ đến, và lấy đó mà khích lệ người nghe noi theo gương Ngài. Lúc danh hiệu được xưng tụng, tất cả những gì nó thay thế được khơi dậy trong tâm kẻ tụng đọc; không những thế, mà cuối cùng nhờ đây mà tâm y vén mở ra những căn nguyên sâu thẳm nhất và bộc lộ chân lí ẩn áo vốn không gì khác hơn là thực tại tính của danh hiệu; nghĩa là tự thân Phật A Di Đà.

Trong trường hợp thứ hai, danh hiệu được phát thanh, không cần trở vào những sự vật vốn được ám chỉ nơi đây, nhưng để tạo ra quá trình tâm lí nào đó. Danh hiệu của Phật bây giờ dù có lặp đi lặp lại máy móc không quan hệ đến cái mang danh hiệu như một thực tại khách quan. Đây là điều thực sự đã diễn ra sau này trong lịch sử của lối thực tập công án. Sau đây là biến cố xảy ra trong tâm một lão già keo lận dưới sự chỉ dạy của Bạch

Ẩn, khai tổ phái Lâm Tế của Phật giáo Thiền tông Nhật Bản cận đại, sẽ giúp chúng ta diễn hình rõ rệt về quá trình tâm lí được tạo ra bởi lối xưng tụng danh hiệu Phật.

Một trong vô số tục gia đệ tử của Bạch Ẩn rất phiền muộn về cha già keo lận của mình, tâm ông chỉ chạy theo việc làm tiền chẳng chút bận tâm tới đạo Phật. Người này muốn Bạch Ẩn gợi cho cho một phương pháp nào để chuyển tư tưởng của cha mình ra khỏi sự keo lận. Bạch Ẩn gợi lên đề nghị này: Bảo ông già keo lận cứ niệm Phật mỗi khi ông nhớ đến, và sẽ trả cho ông mỗi lần tụng niệm là một đồng tiền. Nếu trong một ngày ông niệm Phật được một trăm lần, ông sẽ có được một trăm đồng tiền.

Ông già nghĩ rằng đây là một cách bỏ tiền vào túi dễ như trong thế gian. Mỗi ngày ông đến Bạch Ẩn để được trả tiền do sự niệm Phật của mình; vì ông rất siêng năng trong vụ này và cứ tái diễn như vậy rất nhiều lần. Ông bị mê hoặc với những thủ đắc của mình. Nhưng chẳng bao lâu ông thôi không đến Bạch Ẩn để được trả tiền hàng ngày nữa. Bạch Ẩn sai người đi tìm hiểu xem người cha mắc chuyện gì. Thì ra bây giờ ông bị sự niệm Phật lung lạc đến độ quên cả ghi nhớ. Đây là điều mà Bạch Ẩn cũng chờ đợi nơi ông. Người dạy người con cứ để cho cha y ở một mình trong một thời gian thử xem chuyện gì sẽ đến với ông nữa. Lời khuyên này được tuân hành và trong một tuần lễ người cha thân hành đến kiếm Bạch Ẩn với cặp mắt ngời sáng, bộc lộ một kinh nghiệm tâm linh cực lạc mà ông đã trải qua.

Lối lặp lại máy móc của phép niệm Phật, tức tụng đọc nhịp nhàng, nhưng đều đều, danh hiệu của Phật “nam mô A Di Đà Phật” cứ lặp đi lặp lại hàng vạn

lần, nó tạo ra một trạng thái ý thức có khuynh hướng dần xuống tất cả những tác vụ bình thường của tâm trí. Trạng thái này có lẽ rất giống với trạng thái hợp hoan, nhưng tự nền tảng, chúng khác nhau ở chỗ trạng thái phát sinh từ ý thức niệm Phật là một trực kiến vô cùng quan trọng nhìn thấu vào bản tính của thực tại, nó tồn tại rất lâu dài và có hiệu quả an lành trên đời sống tâm linh của tín giả. Trong hợp hoan, không có chút gì tương tự, vì đây là một tâm trạng bệnh hoạn không mang lại hậu quả có giá trị trường cửu.

Kiên trì niệm danh hiệu “nam mô A Di Đà Phật” đến thành tựu viên mãn làm hành giả sẽ được dọn sạch tất cả những cấu bẩn. Đến khi tâm đã lắng trong, Đức Phật được phản chiếu trong đó, rồi bấy giờ tâm nhìn thấy tâm hay Phật tự thấy Phật, nhưng hành giả không hay biết về sự kiện hợp nhất này. Cái vô tâm như thế đây là Niết Bàn.

Các sư tổ của Tịnh Độ tông cho rằng danh hiệu (namadheya) như là kho tàng chứa đựng tất cả mọi công đức nơi Đức Phật, tức hết thảy những thành tựu nội tâm và hết thảy công đức chỉ có nơi Đức Phật A Di Đà mà thôi, như bốn trí, ba thân, mười lực, bốn vô sở uý, v.v... Đồng thời, hết thảy những công hạnh bên ngoài, gồm các tướng hảo, quang minh, chính pháp, sự nghiệp độ sinh, v.v... tất cả đều gồm có trong danh hiệu của Phật A Di Đà<sup>(1)</sup>.

Lối thực hành niệm Phật được coi là trọng yếu trong Tịnh Độ tông, dành cho những tín đồ mong muốn vắng sinh về cõi Phật Di Đà. Tán dương công đức, cúng dường và cung kính tụng đọc kinh điển và tư duy về Ngài, những thực hành này không được xao lãng, nhưng hành vi tín thành cốt yếu vẫn là xưng danh. Trong lúc chí tâm xưng tụng danh hiệu ngài

không gián đoạn, dù đi, đứng hay nằm ngồi, chắc chắn sẽ được Phật A Di Đà tiếp độ trong cõi Cực lạc của Ngài vào giờ phút lâm chung. Bởi vì, theo các đại sư của Tịnh Độ tông, điều này rất phù hợp với các kinh điển, tức phù hợp với những bản nguyện của Phật.

Pháp Nhiên và các tiền bối của Ngài không quên nhấn mạnh tầm quan trọng của tín tâm trong khi niệm Phật. Tư duy về Đức Phật như một nhân cách có tất cả mọi công đức và ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân, điều ấy chắc chắn đòi hỏi nhiều định tâm và có lẽ vượt ngoài năng lực tâm thần của một người thường. Danh hiệu A Di Đà có thể được coi như tượng trưng cho tất cả những gì được chứa đựng trong khái niệm về Đức Phật, không những chỉ riêng về Phật A Di Đà, mà hết thảy vô số chư Phật. Khi một người đọc lên danh hiệu này, y thực hiện một cuộc thám hiểm sâu xa vào nội dung của ý thức tôn giáo của mình. Niệm Phật phải đạt tới một phản chiếu sâu xa, một công phu nhiệt thành, một niềm tin lớn lao, môi và tim phải hoàn toàn hợp nhất. Trong cách niệm Phật đó, tâm trí tập trung vào danh hiệu. Danh hiệu chiếm trọn môi trường ý thức của người niệm. *Kinh Di Đà tiểu bản* nói: “nếu có người nghe được danh hiệu của A Di Đà Như Lai, sau khi nghe, người đó chấp trì danh hiệu của Ngài...”<sup>(2)</sup>. “Chấp trì” có nghĩa là “giữ vững một đối tượng tư tưởng trong tâm”; Chú tâm trên chính danh hiệu chữ không chỉ tụng đọc ở môi miệng; sự biểu lộ xuất phát từ tâm. Chắc chắn lối niệm Phật này sẽ hỗ trợ rất nhiều cho việc tập

1. Trích từ Pháp Nhiên. *Tuyển trác Niệm Phật bản nguyện tập* (Senfaku-honwanshu), quyển I.

2. Anecdota Oxoniensia. *Aryan Series*, Vol. i, Part. II, P.96: “amitay - Sa3 ta tha gata sya na ma dheu.a srosuyati Srutva ca manasika si seati”.

định. Lối trì danh là một bước tiến dài tiến tới chỗ thành tựu chính định.

Chúng ta thấy rằng chủ đích của niệm Phật đã có những cải biến liên tục. Khởi đầu, đây là nhớ lại Đức Phật trong kí ức, mong thấy Ngài như lúc Ngài đang tại thế giữa các đồ chúng. Đây là một mong ước hoàn toàn nhân tính và tự nhiên. Về sau, nó chỉ cho ước mong hiện diện trước Đức Phật được lí tưởng thành thường trụ ở cõi Tịnh độ và Cực lạc. Cuối cùng, mục đích rõ ràng là đặc biệt tấm lòng mong đợi thương yêu của Đức Phật trên hành giả mang đầy tội chướng, đang kiên tâm trì niệm danh hiệu Ngài. Sự cải biến này được các đại sư của Tịnh Độ tông giải thích là hoàn toàn phù hợp với giáo lí của Phật được trình bày trong nhiều kinh điển thuộc về tông phái này.

Trong Tịnh Độ tông, các đại sư cũng cho rằng khi một danh hiệu được đọc lên, chúng ta có cảm giác rằng chính đối tượng cùng hiện thể với chúng ta, và do bởi một quá trình tự nhiên mà hành vi tưởng niệm Đức Phật dần dần trở thành xưng tụng danh hiệu Ngài. Nhưng điều mà chúng ta muốn khảo sát ở đây chính là sự kiện danh hiệu của Phật vẫn giữ y hình thái *Phạn âm* nguyên thủy của nó, hay đúng hơn, sự chuyên âm này đổi theo trường kì lịch sử của đạo Phật ở Trung Hoa và Nhật Bản. Tại sao không đọc lên danh hiệu Phật bằng những từ ngữ Trung Hoa hay Nhật Bản tương xứng, thay vì dùng danh hiệu *Phạn âm*, nguyên thủy? *Nan wu o mi to fo và Namô amida butsu* - Nam mô A Di Đà Phật, là những lối phát âm Hán và Nhật của *Namô mita bhaya buddhaya*. “*Namas*” có nghĩa “cung kính” hay “kính lễ” và “*amitabhaya budhaya*” có nghĩa “vô lượng quang Phật”, và dịch sang tiếng Hán: “Quy y vô

lượng quang Phật”. Tại sao không nói “quy y vô lượng quang Phật” thay vì “Nam mô A Di Đà Phật”? Những lối phiên chuyển này bình thường chẳng có ý nghĩa gì đối với một người Trung Quốc hay Nhật Bản, bởi vì đây là những *Phạn âm* biến thái, chúng không mang ý nghĩa nào đối với các ngôn ngữ khác. Đối với Trung Hoa hay Nhật Bản, đây chính là một thứ “đà la ni” (dharani) hay “mật chú” (mantra), phải được xướng âm theo nguyên hình không phiên dịch bởi vì khi được phiên âm, một “đà la ni” không chuyển sang cho biết một tư tưởng nào, không gì hơn là một mớ tro bụi. Đây là bởi lí do nào? Tại sao cái khả tri thay thế cái bất khả tri, cái hữu tình thay thế cái vô tình, ánh sáng thay thế bóng tối, phân biệt thay thế vô phân biệt? Và ở đây tại sao lại Nam mô A Di Đà Phật, thay cho “*Namo midabhaya buddhaya*”?

Theo ý tôi, lí do phải được tìm thấy, không ở trong sự linh nghiệm ở chính danh hiệu, mà trong hiệu quả tâm lí của xưng danh. Khi một ý nghĩa khả tri được gói trọn vào trong một tiếng, nó gọi lên chuỗi dây liên tục những ý tưởng và tình cảm được gắn bó vào đó. Bấy giờ, hoặc tâm được ứng dụng để kiến tạo một khuôn luân lí, hoặc nó trở nên rắc rối, phó thác vào những mối dây tưởng tượng và liên tưởng. Khi người ta xướng lên những âm thanh vô nghĩa, tâm trí dừng lại, không có cơ hội nào mất tập trung. Những ảnh hưởng và những ảo tượng ít có khả năng xâm nhập. Nói theo thuật ngữ Phật giáo, khách trần phân biệt bao phủ mặt gương bản lai trong sáng của đài gương giác ngộ ở nội tâm. Để tránh cảnh ngộ bi thảm này, cần phải dùng đến âm thanh trong phép trì danh niệm Phật dù không có ý nghĩa rõ rệt. Khi phép quán

tưởng niệm Phật trở thành trì danh niệm Phật, chắc chắn có một kinh nghiệm tâm lý của loại này ở những người muốn chuyên tâm vào chính nơi Phật tính chứ không phải nơi nhân cách Phật Đà. Việc tưởng niệm về nhân cách của Phật, cái nhân cách theo họ thấy, đòi hỏi một trạng thái khá cao của những quá trình tâm lý, dù vậy những thành quả mang lại là ít.

Các sư tổ của Tịnh Độ tông luôn nhấn mạnh trên ba thái độ của tâm, phải kèm theo với trì danh niệm Phật liên lỉ: Thành tâm, dốc tin và nguyện sinh cõi Phật A Di Đà. Thực vậy, những thành tố chủ quan này nếu không có, thì không một sự tích tụ nào của niệm Phật mà hỗ trợ hành giả đạt được những gì người đó tìm kiếm.

Quan điểm của các đại sư Tịnh Độ tông cho rằng phải tin tưởng Bản nguyện của Phật A Di Đà, nhờ đó hành giả vững tin số phận tương lai của mình. Khi đó tâm của hành giả hoàn toàn hợp nhất với tâm của Phật A Di Đà. *Quán kinh* nói: “Phật bảo Anan (Ananda) và bà Vi Đề Hi (Vaidehi): Sau khi đã thấy những sự thể này, các người phải tưởng đến Phật. Các người sẽ hỏi: Tưởng cách nào? Mỗi một Đức Phật Như Lai hiện thân trong Phép giới (dhar madha tiu) và thâm nhập trong tâm của tất cả hữu tình. Vậy, mỗi khi các người tưởng đến Phật, chính tâm của các người được trang nghiêm bằng ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp. Tâm ấy được chuyển thành Phật tính, tâm ấy chính là Phật. Biến chính trí của chư Phật nổi dậy trong tâm và tưởng các người. Vì lẽ đó, các người hãy nhất tâm tu tập quán tưởng Phật Như Lai, Ngài là bậc A La Hán, chánh đẳng, chánh giác”.

Khi diễn giải pháp môn niệm Phật như trên, chúng ta có thể hiểu bài Pháp

của Nhất Biên (Ippen): “Vãng sinh tức là sơ phát tâm, đây là tin một cách hiện hữu, tức kể mà tâm đã phát khởi trong ý. “Nam mô A Di Đà Phật” tức vãng sinh và vãng sinh tức vô sinh. Khi thể hiện được như thế, ta tạm gọi là sơ phát tâm. Khi người ta thâm nhập Phật hiệu vốn vượt trên thời gian thì sự vãng sinh lại là vô thủy vô chung.”

“Có lúc phân biệt giữa giờ phút lâm chung và đời sống thường nhật, nhưng đây là một thứ giáo thuyết y cứ trên tư tưởng mê lầm. Chính trong câu “Nam mô A Di Đà Phật” không có giờ phút lâm chung, không có đời sống thường nhật, đó là một thực tại thường trụ khắp mọi nơi. Đối với nhân sinh, đây là một chuỗi những khoảng khắc chỉ kéo dài giữa hơi thở ra và thở vào, và vì vậy mỗi *sát na* tâm là giờ phút tối hậu của sự sống, nếu thế, mỗi sát na tâm là giây phút tối hậu và mỗi giây phút là vãng sinh”.

Ý nghĩa của sự phát biểu có tính sách thuần bí trên đây của Nhất Biên sẽ được thấy rõ hơn nếu đọc luôn những dẫn chứng dưới đây:

“Khi tâm (hay ý) hoàn toàn phó mặc cho câu Nam mô A Di Đà Phật, đây là tư tưởng chân chính dành cho những phút tối hậu”. Chỉ có Phật hiệu, ngoài ra không có người niệm, không có cái được niệm. Chỉ có Phật niệm, ngoài ra không có vãng sinh. Hết thấy vạn hữu đều là các công đức hàm tàng trong bản thân của Phật hiệu. Nếu thế, khi các người chứng tri vạn pháp vô sinh ở đây mọi vết tích của tâm ý đều biến mất, đọc câu Nam mô A Di Đà Phật tức thì cái sơ tâm phát khởi gọi là chính tư duy của giờ phút tối hậu của mình; bởi vì đây là tâm giác ngộ vốn là “Nam mô A Di Đà Phật”.

Nam mô A Di Đà Phật không chỉ là danh hiệu, mà nó còn bao hàm cả một năng lực huyền diệu. Nhất Biên, tác giả của *An tâm quyết định* nói: “Vì không có một *sát na* cách biệt giữa hành giả xướng Nam mô với tự thân của A Di Đà, mỗi tâm niệm trong lòng y đều là Nam mô A Di Đà Phật. Do vậy, mỗi hơi thở của y dù chỉ một khoảng khắc không hề cách biệt những công đức của Phật; quả thực, toàn thể sinh mệnh của y là tự thể của “Nam mô A Di Đà Phật”.

“Bởi lẽ đó, khi hết thấy chúng sinh trong quá khứ, hiện tại và vị lai khởi lên mật tín tâm (Tin vào bảo nguyện của Phật Di Đà), thì mỗi một niệm đều quay về với một niệm Chính Giác (mà Phật đã thức tỉnh) và tâm của hết thấy chúng sinh trong mười phương, khi chúng xưng danh, cũng đều quay về với một niệm Chính giác. Không một niệm, một xưng nào, từng phát ra từ hành giả còn lại trong hành giả nữa (tất cả chúng đều trở về suối nguồn lưu xuất của Chính giác). Khi bản nguyện là một công hạnh trong đó danh và thể không phân hai, thì chính trong danh hiệu là toàn thể của Chính giác, và vị thế của Chính giác là như thế nên nó là bản thể vãng sinh của hết thấy hữu tình trong mười phương.”

"Bản nguyện và danh hiệu không phải là hai sự thể tách rời nhau, vì ngoài nguyện không có danh, ngoài danh không có nguyện. Ai cũng hiểu câu nói ấy. Khi tin ở nguyện bất khả tư nghì cũng như danh bất khả tư nghì, ông xưng danh trong một niệm, tại sao phải học tập hiểu biết?"<sup>(3)</sup>

Tịnh Độ tông muốn chứng kiến môn đồ của mình vãng sinh cực lạc và ở đây mà thành tựu giác ngộ. Để thực hiện điều này, các môn đệ Tịnh Độ tông được giảng

cho biết về những tội chướng của họ, về kém cỏi tri thức của họ, khiến không với tới được những chân lý cao siêu của đạo Phật và về cái gánh nặng của nghiệp quá khứ đè nặng lên họ để họ hăng hái cởi bỏ những trói buộc bằng chính những nỗ lực hữu hạn của mình. Bấy giờ Phật Di Đà được đặt ở hiện tiền, với Bản nguyện của Ngài là đuổi tay tế độ dắt họ bước qua dòng nước sinh tử. Nhưng chỉ có thể với cánh tay tế độ này khi nào họ nhất tâm xưng niệm danh hiệu vị tiếp dẫn đạo sư của mình.

Theo luận giải của các sư tổ, chúng ta thấy rằng nếu chuyên tâm thực hành niệm Phật, ngày đêm xưng tụng danh hiệu của Phật, dù đi đứng hay nằm ngồi, chẳng kể bao lâu, một ngày, hai ngày, một tuần, một tháng, một năm kể cả đến hai, ba năm, v.v... thì chắc chắn hành giả sẽ mở rộng pháp nhãn, rồi sẽ thấy một thế giới vượt hẳn ngoài tâm tưởng. Đây là một cảnh giới huyền vi, nơi đó mọi tâm hành đều chấm dứt và mọi hư tưởng đều bị tiêu trừ. Sự chú tâm trì danh niệm Phật lên tới cao độ thì sẽ có một trực giác về những chân lý huyền diệu; mỗi *sát na* là tối hậu; tâm này chính là Như Lai; dù sắc thân còn lệ thuộc thế giới này mà tâm thì vui sống trong cõi Tịnh độ; thân này cứ như thế mà lại ngang hàng với Bồ tát Di Lặc.

Khi diễn giải pháp môn niệm Phật như trên, có thể thấy rằng trong đời sống tín ngưỡng hiện nay, niệm Phật là một trong những pháp môn giải thoát thích hợp, dễ dàng, dành cho mọi tín đồ Phật giáo nếu muốn diện kiến Đức Phật./.

3. *Mạt đăng sao* (Matcosho). Đây là một tuyển tập thư tín của Thân Loan, gồm tất cả 23 bức thư.